



CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SỐ: 14/KEKI/2025

SẢN PHẨM

BÁNH GẠO NHẬT VỊ PATE

Hải Dương, tháng 06/2025

CÔNG TY
CP KEKI VIỆT NAM
Số: 14/QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Công bố sản phẩm

Hải Dương, ngày 17 tháng 06 năm 2025

- Căn cứ: Luật An toàn thực phẩm 2010;
- Căn cứ nghị định 152018/NĐ – CP hướng dẫn luật ATTP;
- Căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty;

THÔNG BÁO
CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Mã số doanh nghiệp: 0801249246

Điều 1: Công bố hợp quy cho các sản phẩm như sau:

- Tên sản phẩm: **BÁNH GẠO NHẬT VỊ PATE**
- Số: 14/KEKI/2025

Điều 2: Hiệu lực

Các Hồ sơ công bố có hiệu lực kể từ ngày ban hành thông báo và niêm yết tại trụ sở công ty.

Các bộ phận, phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ theo nội dung Công bố.

Nơi nhận

- Gửi lãnh đạo
- Phòng kinh doanh./.
- Chi cục ATTP Hải Dương.
- Lưu văn thư./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM HỮU TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 14/KEKI/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Website: banhgaokeki@com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0801249246

Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000:2018 số UASL25.2502, ngày cấp: 25/02/2025, đơn vị cấp: Công ty TNHH UASL VIỆT NAM.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: BÁNH GẠO NHẬT VỊ PATE

2. Thành phần: Gạo Japonica (giống từ Nhật) (62%), dầu cọ, gia vị pate (5.8%) (sucrose, maltodextrin, muối, chất điều vị (621), gia vị, bột bơ sữa, chiết xuất nấm men, chất chống đông vón (551), trứng gà, glucose, dầu thực vật, tinh bột, chất béo sữa, bơ, bột kem, tinh bột biến tính (1450), chất điều vị (631, 627), chất tạo ngọt nhân tạo (951), chất tạo màu tự nhiên (160c(i)), natri caseinat, muối nhũ hóa (340(ii)), chất chống oxy hóa (307c), chất nhũ hóa (471), chiết xuất hạt nho, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên), bột khoai tây, đường tinh luyện, tinh bột biến tính (1420), muối, glucose, chất điều vị (621).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất (NSX): Được in trên bao bì (ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng trong túi có khối lượng tịnh 110g. 20 gói được xếp vào 1 thùng giấy Carton. Quy cách đóng gói có thể thay đổi theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.



- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng bao bì Metallize CPP (MCPPE) đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Có file chi tiết đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 của Quốc Hội ban hành Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023TT-BYT của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Dương, ngày 17 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM HỮU TUẤN

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
Số: 14/KEKI/2025

1. Tổ chức, cá nhân tự công bố và chịu trách nhiệm về sản phẩm

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM.**

- Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Website: banhgaokeki@com.vn

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bánh xốp, giòn.
2	Màu sắc	Màu sắc cơ bản là màu vàng nhạt tới vàng đậm.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm
4	Vị	Vị mặn ngọt kết hợp với ngậy béo. Không có mùi vị lạ, không có tạp chất

1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100g	320 – 594
2	Chất đạm	g/100g	4.16 – 7.72
3	Carbohydrat	g/100g	52.01 – 96.59
4	Đường tổng số	g/100g	3.87 – 7.19
5	Chất béo	g/100g	10.57 – 19.63
6	Natri	mg/100g	793.45 – 1473.55
7	Độ ẩm	%	≤ 8.0



1.3. Hàm lượng kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,4$

1.4. Hàm lượng độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 2
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	$\mu\text{g/kg}$	≤ 4
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	≤ 3
4	Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	≤ 500
5	Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	≤ 50

1.5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Mở bao bì sản phẩm và sử dụng trực tiếp.
- Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.

1.6. Thông tin cảnh báo

- Chất gây dị ứng có trong thành phần: Sữa, trứng.
- Không sử dụng gói hút ẩm nếu có trong sản phẩm.

1.7. Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

Địa chỉ sản xuất: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Số BTCB:14/KEKI/2025

Sản xuất tại Việt Nam



Hải Dương, ngày 17 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM HỮU TUẤN**

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y618K0152

Mã KQ/ RP. No: 004009734.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 04/11/2024 - 11/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **BÁNH GẠO NHẬT VỊ PATE**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*) ^(s) / Arsenic (As) (*) ^(s)	0.050	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
2	Cadimi (Cd) (*) ^(s) / Cadmium (Cd) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	0.035	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
4	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
5	Aflatoxin B ₁ (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
6	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) ^(s) / Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
7	Ochratoxin A (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN-2009)
8	Deoxynivalenol (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	21	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)
9	Zearalenone (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	5	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)
10	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
11	Escherichia coli (*)	0	MPN/g	-	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
12	Staphylococci dương tính với coagulase (*)/ Coagulase-positive staphylococci (*)	< 10	CFU/g	-	ISO 6888-1:2021
13	Xơ tổng số (*) ^(s) / Total dietary fiber (*) ^(s)	1.35	%	-	AOAC 991.43

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trung Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y618K0152

Mã KQ/ RP. No: 004009734.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	Năng lượng (*)/ Calories (*)	457	kcal/100g	-	TS-KT-HCB-507
15	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	5.94	%	-	TS-KT-HCB-001:2020
16	Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)	74.3	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
17	Đường tổng (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	5.53	%	-	TS-KT-HCB-003:2020
18	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	15.1	%	-	TS-KT-HCB-002:2020
19	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	11335	mg/kg	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử. / When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.
- (°) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL. / (°) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

LÝ BÁ HÀO

Ngày: 11-06-2025

Số chứng thực: 187.....Quyển số: 01.....SCT/BS



HUỲNH TẤN CƯỜNG



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN TIẾN BẢO

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0801249246

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 05 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 19 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KEKI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0903455175

Fax:

Email: Contact@banhgaokeki.com.vn

Website: banhgaokeki@com.vn

3. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 21/06/1964 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030064000538

Ngày cấp: 10/12/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 10 Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số chứng thực: 186.....Quyển số: 01.....SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN TIẾN BẢO**

* Họ và tên: PHẠM HỮU TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030078018264

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 12, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải
Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 12, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải
Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường



CÔNG TY TNHH UASL VIỆT NAM

Địa chỉ VP: Số 34 TT02, Khu đô thị HD Mon, Đường Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0981860992 * Email: admin@uasluk.com * Website: uasluk.com



GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện,

Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

Cho lĩnh vực:

Sản xuất các loại bánh khô từ gạo.

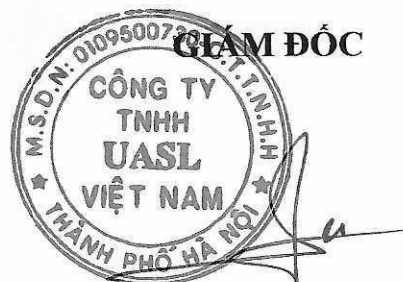
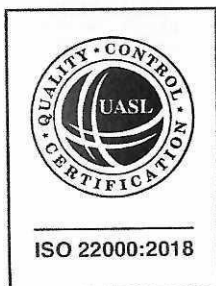
Số chứng nhận: UASL25.2502

Ngày ban hành: 25/02/2025

Ngày hết hạn : 24/02/2028

Kiểm tra thông tin chứng nhận trên: uasluk.com

(Hiệu lực của giấy chứng nhận các năm tiếp theo sẽ được thể hiện kèm theo quyết định duy trì chứng nhận sau mỗi lần đánh giá giám sát)



NGUYỄN TRƯỜNG QUANG



UASL VIET NAM COMPANY LIMITED

Office Address: No. 34 TT02, HD Mon Urban Area, Ham Nghi Street, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City.

Tel: 0981860992 * Email: admin@uasluk.com * Website: uasluk.com



CERTIFICATE



This is to certify that the Food Safety Management System of:

KEKI VIET NAM JOINT STOCK

Address: Land plot No 1488, Map sheet No 09,

Thanh Mien Town, Thanh Mien District, Hai Duong Province, Vietnam.

Has been assessed and certified as meeting the requirements of:

ISO 22000:2018

For the following activities:

Rice-based dry bakery production.

Certificate No: UASL25.2502

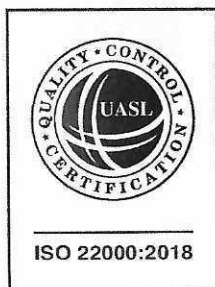
Issue date : 25/02/2025

Expiry date : 24/02/2028

To check this certificate status visit: uasluk.com



(The validity of the certificate in subsequent years will be shown with the decision to maintain the certificate after each surveillance audit)



NGUYEN TRUONG QUANG

Cố tăng khoảng cách đầu để không bị dính chữ

Line trạm chuyển quy về 2 màu YK (góc chống 4 màu)

440 mm

10

105

210

105

10

BÁNH GẠO NHẬT VỊ PATE

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRFV)
Năng lượng (Energy)	457 kcal	22,9
Chất đạm (Protein)	5,94 g	11,9
Carbohydrate (Bột gạo gồm chất xơ)	74,3 g	22,9
Đường tổng số (Total sugar)	5,53 g	-
Chất béo (Fat)	15,7 g	22,9
Natri (Sodium)	1133,5 mg	56,7

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRFV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày đối với khẩu phần 2000 kcal của một thành phần dinh dưỡng có trong 100g

Thành phần: Gạo Japonica (gạo tẻ Nhật, 62%), dầu ăn, gia vị (giấm 15,8%, inositol, exopolysaccharide, muối, chất điều vị (E21)), gia vị bột gạo, chất xuất nấm men, chất chống đông vón (E31), tương gà, glucose, dầu thực vật, tinh bột, chất béo sữa, bơ, bột kem, tinh bột biến tính (E140), chất điều vị (E21, E22), chất tạo ngọt nhân tạo (E951), chất tạo màu tự nhiên (E1603), natto capsinex, muối nhà bếp (E252), chất chống oxy hóa (E301), chất nhũ hóa (E471), chất xuất nấm men, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên, bột khoai tây, đường tinh luyện, tinh bột biến tính (E140), muối, glucose, chất điều vị (E21).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG & BẢO QUẢN

Hướng dẫn sử dụng: Món ăn từ sản phẩm và sử dụng thực tập.
Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Chất gây dị ứng có trong thành phần: Sữa, trứng.

Chứa và chứa gel hạt ăn nếu có trong sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 110g

Hạn sử dụng: 3 tháng kể từ ngày sản xuất.

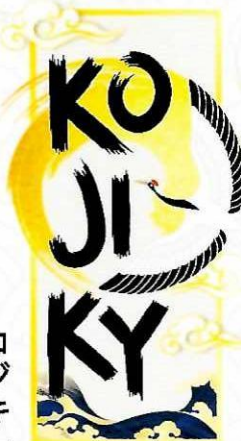
Ngày sản xuất (DDMM): Được in trên bao bì (ngày/tháng/năm).



100%
GẠO GIỐNG NHẬT
JAPONICA

コジキ

BÁNH
GẠO
NHẬT



VỊ PATE

110g
KHỐI LƯỢNG TỊNH

KOJIKY
BÁNH
GẠO
NHẬT

VỊ PATE



keki®

Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm
Công ty cổ phần KEO Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Thôn Dũ 1486, xã Tân Bội, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Số GTCT: 14/0001/2025
Sản xuất tại Việt Nam



APE	Tên SP: Bánh Gạo Nhật KOJIKY Vị Pate 110g	Chai Kỵ Khách Hàng
Số Màu	1 2 3 4 5 6 7 8	
US	1 2 3 4 5 6 7 8	
Quy cách (mm)	440 x 295	01 N T N 09/06/2025

TARGET: JAPK2252506
Làm 7 trục K, Hong, Soc, C, M, Y, BG.
Trục W chạy chung bộ JAPK0752502

Mã Hàng: JAPK0762502

WOMTOXF T:2025-GMG-749

Hình ảnh có quy màu lại cho dễ in

Cắt trong trên dưới 1 mm

Trans

Quy định chung về môi trường - 1mm